**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..............., ngày ...... tháng ........ năm 20........*

**HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN**

### NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

Số: (mã số Nhiệm vụ)*/*HĐ-KHCN

* Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
* Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
* Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;
* Căn cứ Quyết định số:      /QĐ–ĐHQG ngày .. tháng .. năm 20 .. của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc      ;

**Chúng tôi gồm:**

**Bên giao (Bên A): Đại học Quốc gia TP HCM (Cơ quan chủ quản)**

|  |  |
| --- | --- |
| * Đại diện:
* Chức vụ:
* Địa chỉ:
* Điện thoại:
* Fax:
 | Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP HCM08 3724216008 37242179 |

**Bên nhận (Bên B):**

1. **………….(Cơ quan chủ trì)**

|  |  |
| --- | --- |
| * Đại diện:
* Chức vụ:
* Địa chỉ:
* Điện thoại:
* Fax:
* Số tài khoản:
* Mở tại kho bạc:
 |                                |

1. **Chủ nhiệm**

|  |  |
| --- | --- |
| * Họ và tên:
* Địa chỉ:
* Điện thoại di động:
* Email:
* Số tài khoản:
* Mở tại Ngân hàng:
 |                           |

Hai bên cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (viết tắt là Nhiệm vụ TXTCN) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ TXTCN**

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ TXTCN "..." theo các nội dung trong Thuyết minh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh). Ngoài ra, các bên có thể tiến hành ký phụ lục Hợp đồng nhằm làm rõ các chi tiết trong Thuyết minh.

Thuyết minh và phụ lục (nếu có) là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2**. **Thời gian thực hiện Hợp đồng**

Thời gian thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là ..... tháng, từ tháng....... năm 20.........đến tháng ... năm 20.........

**Điều 3. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ TXTCN**

1. Tổng kính phí thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là …………. (bằng chữ…..), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:…………. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí khoán:…………. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí không giao khoán:…………. (bằng chữ…..)

- Kinh phí từ nguồn khác: …………. (bằng chữ…..).

2. Tiến độ cấp kinh phí: theo quyết định cấp kinh phí của ĐHQG-HCM.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ TXTCN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ TXTCN;

g) Có trách nhiệm cùng Bên B tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN hoặc ủy quyền cho Cơ quan chủ trì tiến hành;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành hoặc ủy quyền cho Cơ quan chủ trì tiến hành thanh lý;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN, bàn giao kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ TXTCN và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN (nếu có);

m) Đăng ký hoặc Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ TXTCN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ TXTCN theo quy định của pháp luật;

i) Cơ quan chủ trì làm biên bản kiểm tra hồ sơ và kiến nghị Bên A tiến hành nghiệm thu hoặc thanh lý;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Sau khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 5 của Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN sau khi được Bên A cho phép.

Trong công bố kết quả nghiên cứu phải ghi rõ địa chỉ các tác giả thuộc (Trường/Viện/Trung tâm), ĐHQG-HCM và lời cảm ơn như sau:

+ Đối với các tài liệu tiếng Việt: “Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Nhiệm vụ TXTCN mã số …..”.

+ Đối với các tài liệu tiếng Anh: "This research is funded by Vietnam National University HoChiMinh City (VNU-HCM) under grant number …..”

Trường hợp sản phẩm của Nhiệm vụ TXTCN có ấn phẩm khoa học là sách tham khảo/chuyên khảo trong nước. Sản phẩm này chỉ được nghiệm thu khi được xuất bản tại Nhà xuất bản ĐHQG-HCM.

Trường hợp Nhiệm vụ TXTCN có hợp tác với đối tác ngoài ĐHQG-HCM để triển khai, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm ký kết văn bản thỏa thuận về hợp tác thực hiện, công bố khoa học và quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu. Văn bản thỏa thuận hợp tác là một bộ phận của hồ sơ triển khai thực hiện. Nội dung hợp tác phải được thể hiện trong thuyết minh đề cương.

Trường hợp Nhiệm vụ TXTCN không có thỏa thuận hợp tác với đối tác ngoài ĐHQG-HCM để triển khai thì các công bố khoa học (nếu có) không được nghiệm thu khi: i) Lời cảm ơn có nêu tên các tổ chức không có đóng góp cho Nhiệm vụ TXTCN theo Thuyết minh; ii) Địa chỉ tác giả là các tổ chức không có đóng góp cho Nhiệm vụ TXTCN theo Thuyết minh. Trường hợp Nhiệm vụ TXTCN có hợp đồng thuê khoán chuyên môn với cá nhân không thuộc ĐHQG-HCM thì cá nhân cần có giấy xác nhận phối hợp thực hiện theo quy định, khi đó địa chỉ tác giả có thể có tên tổ chức ký giấy xác nhận phối hợp thực hiện.

Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét quyết định.

p) Chủ nhiệm Nhiệm vụ TXTCN cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Nhiệm vụ TXTCN và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ TXTCN theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến Nhiệm vụ TXTCN không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ TXTCN mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

 **Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

 1.Đối với Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và được nghiệm thu:

 a) Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

 b) Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Nhiệm vụ TXTCN, Bên A chủ trì việc xác định khối lượng và kết quả công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ xác định số kinh phí Bên B được thanh toán và phải hoàn trả ngân sách nhà nước.

 2. Đối với Nhiệm vụ TXTCN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Nhiệm vụ TXTCN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Nhiệm vụ TXTCN và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

 3.Đối với Nhiệm vụ TXTCN bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Nhiệm vụ TXTCN, Bên A chủ trì việc xác định khối lượng và kết quả công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ xác định số kinh phí Bên B được thanh toán và phải hoàn trả ngân sách nhà nước.

 4. Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ TXTCN theo quy định pháp luật được xử lý như trường hợp Nhiệm vụ TXTCN bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Đối với Nhiệm vụ TXTCN không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** **Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Nhiệm vụ TXTCN được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

**Điều 8. Điều khoản chung**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Nhiệm vụ TXTCN.

2.Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

**Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày............ Hợp đồng này được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ....bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A (Bên giao)****CƠ QUAN CHỦ QUẢN** | **BÊN B (Bên nhận)****CƠ QUAN CHỦ TRÌ** |
|  |  |
|  | **CHỦ NHIỆM**(họ tên, chữ ký) |
|  |  |